

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 474/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 06/5/2026

V/v: Tranh chấp Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Trần Thu Hà**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Đức Hải và bà Nguyễn Thị Dung**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký

Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông Bùi Bách Thành – Kiểm sát viên

Ngày 06/5/2026, tại Trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2026/TLST - HNGĐ ngày 20/01/2026 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/3/2026 và quyết định hoãn phiên toà số 125/2026/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị Bích L - sinh năm 1988

Số CCCD: 03718800.... cấp ngày 21/3/2023

Bị đơn: Anh Trần Đức Q – sinh năm 1987

Số CCCD: 00108700.... cấp ngày 02/5/2022

Cùng HKTT và nơi ở hiện tại: Căn H Chung cư Chung cư R, phường Phúc Lợi, TP. Hà Nội;

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là chị Đào Thị Bích L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Đức Q kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2017 ngày 28/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân từ việc anh Q thường xuyên đi sớm, về muộn, không quan tâm đến vợ con; đặc biệt anh Q có người phụ nữ khác ở bên ngoài. Không những thế, anh Q còn thường xuyên bạo hành vũ phu tác động lên người tôi khiến tôi phải nhập viện. Con gái tôi thường xuyên chứng kiến nhiều lần bố đánh mẹ nên cháu rất run sợ. Hai vợ chồng tôi tuy ở cùng nhà nhưng không ngủ chung và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án sớm giải quyết ly hôn cho tôi ly hôn với anh Q để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trần Tuệ M - sinh ngày 19/4/2021. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Đối với anh Trần Đức Q: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về quyền và nghĩa vụ cho anh Q, triệu tập hợp lệ nhưng anh Q không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

Tòa án đã xác minh tại tổ dân phố nơi anh Q và chị L sinh sống, thể hiện: Quá trình anh chị chung sống, địa phương được biết anh chị có mâu thuẫn do chị L có thông báo cho địa phương đến hòa giải. Địa phương đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng tình hình mâu thuẫn của anh chị vẫn không cải thiện. Anh chị nhiều lần đánh cãi chửi nhau, to tiếng do nghi vấn ghen tuông. Nhiều lần địa phương đến nhưng anh Q đóng cửa không cho vào để khuyên giải. Có lần Ban quản lý tòa nhà đã lập biên bản sự việc do anh chị xảy ra xô xát. Nay chị L xin ly hôn với anh Quý, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: chúng tôi được biết anh chị có 01 con chung; đề nghị tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo cuộc sống của cháu.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:**

Toà án thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định tại điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điều 19, điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu Xin ly hôn của chị Đào Thị Bích L đối với anh Trần Đức Q.

+ Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Tuệ M - sinh ngày 19/4/2021. Giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh Q đối với chị L do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Đức Q đang sinh sống tại Căn H Chung cư R, phường Phúc Lợi, TP. Hà Nội. Toà án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Chương X của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đào Thị Bích L và anh Trần Đức Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2017 tại UBND xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội; là hôn nhân hợp pháp.

Chị L trình bày anh chị sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị L cung cấp tài liệu, hình ảnh thể hiện anh Q có hành vi đánh chị xây

xước tay chân; ban quản lý tòa nhà chung cư nơi anh chị sinh sống đã lập biên bản. Chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn. Anh Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, không có quan điểm, thể hiện không có thiện chí muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung giữa chị L và anh Q không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Bích L với anh Trần Đức Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh Q và chị L có 01 con chung là Trần Tuệ M - sinh ngày 19/4/2021.

Cháu Tuệ M hiện đang sinh sống cùng anh chị. Chị L là người thường xuyên chăm sóc cháu M.

Xét thấy cháu M còn nhỏ, lại là con gái, cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ. Chị L có chỗ ở và thu nhập ổn định, đầy đủ điều kiện để được trực tiếp chăm sóc con. Vì vậy, HĐXX quyết định giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Q đối với chị L do chị L không yêu cầu.

*** Về tài sản chung và nợ chung:** anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Chị L phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39; khoản 4 Điều 147, điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị Bích L. Chị Đào Thị Bích L được ly hôn với anh Trần Đức Q.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Tuệ M - sinh ngày 19/4/2021.

Sau khi ly hôn, giao cháu M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Q đối với chị L cho đến khi cháu M trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Không ai được cản trở quyền thăm gặp và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001769 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự TP. Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- UBND xã Bát Tràng (nơi ĐKKH ngày 28/4/2017 tại UBND xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà